

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vinh

Ông Đặng Huy Du

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 270/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Văn H, xã Hữu B, huyện Kiến T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Thôn Văn H, xã Hữu B, huyện Kiến T, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 16/7/2021 và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hữu B, huyện Kiến T, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/10/2003. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách phát triển kinh tế gia đình

và thường xuyên nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến năm 2015, chị T sang Đài Loan để lao động, vợ chồng xa cách, tình cảm giữa anh và chị T dần lạnh nhạt. Từ khi đi lao động nước ngoài đến nay, chị T và anh đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh thấy, anh và chị T không còn tình cảm với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 13/4/2012. Anh nhận nuôi cháu Nguyễn Tấn D và đề nghị giao cháu Nguyễn Tuấn H cho chị T nuôi dưỡng; hiện chị T không ở Việt Nam nên đề nghị giao anh H cho bà ngoại cháu là bà Bùi Thị T thay chị T chăm sóc cho cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo cho gia đình chị T cung cấp địa chỉ của chị T ở Đài Loan và yêu cầu gia đình chị thông báo cho chị biết để gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T thông qua gia đình chị, gia đình chị T cũng đã thông báo cho chị biết. Gia đình chị T cung cấp: Chị T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở Đài Loan nên gia đình chị không thể cung cấp cho Tòa án địa chỉ của chị tại Đài Loan. Chị T đã được gia đình thông báo về việc anh H có đơn ly hôn với chị, hiện nay do dịch Covid nên chị không thể về Việt Nam để giải quyết vụ án theo yêu cầu của anh H được. Thông qua gia đình, chị cho biết chị có nguyện vọng được nhận nuôi cháu Nguyễn Tuấn H nhưng hiện chị đang ở nước ngoài nên chị đề nghị giao cháu H cho mẹ chị là bà Bùi Thị T thay chị chăm sóc cho cháu; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T cũng có đơn đề nghị gửi qua địa chỉ email của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thể hiện quan điểm muốn được nuôi cháu H.

Quan điểm của bà Bùi Thị T, là mẹ của chị T thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã thực sự trầm trọng, hai vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T đều vắng mặt. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh H và chị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hữu B, huyện Kiến T vào ngày 28/10/2003 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, anh H đề nghị giao cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 29/7/2004 cho anh tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 13/4/2012 cho chị T nuôi dưỡng; chị T hiện không ở Việt Nam nên đề nghị giao cháu H cho bà ngoại cháu là bà Bùi Thị T thay chị chăm sóc cho cháu; anh và chị T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện cháu D và cháu H được chăm sóc, học tập phát triển bình thường nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu D cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị Nguyễn Thị T hiện đang sinh sống tại Đài Loan, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H và chị T đều vắng mặt, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo gia đình cung cấp, chị T hiện đang sinh sống tại Đài Loan, chị T và gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T; gia đình chị T xác nhận chị vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, gia đình cũng đã thông báo cho chị biết việc anh H khởi kiện về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T thông qua gia đình chị, gia đình chị cũng đã cam kết thông báo cho chị các văn bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy, trường hợp này được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và

có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hữu B, huyện Kiến T, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/10/2003. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách phát triển kinh tế và không có tiếng nói chung. Năm 2015, chị T đi lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay, anh H và chị T đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên tình cảm không còn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

[4] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 13/4/2012. Anh H nhận nuôi cháu D và đề nghị giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng, hiện chị T không ở Việt Nam nên đề nghị giao cháu H cho bà ngoại cháu là bà Bùi Thị T thay chị chăm sóc cho cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu D hiện đang sống cùng anh H; cháu H hiện đang được bà Bùi Thị T, là mẹ chị T nuôi; các cháu đều được chăm sóc đầy đủ, phát triển bình thường về tinh thần và thể chất; cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Tấn D cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Tuấn H cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh H và chị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 29/7/2004 cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 13/4/2012 cho chị T nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh H và chị T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0019892 ngày 22/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Hữu B, huyện Kiến T,
TP Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lương Ngọc Dũng